

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
BAO BÌ BIÊN HÒA**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009**

## MỤC LỤC

---

---

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2009	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào 31 tháng 12 năm 2009	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào 31 tháng 12 năm 2009	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 26
<u>Phụ lục 1</u> : Chi tiết số dư các khoản công nợ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009	27 - 28

# **CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

## **BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC**

---

Công ty Cổ Phần Bao Bì Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

### **1. Các thông tin chung**

Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4703000057 ngày 14 tháng 08 năm 2003 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 04 tháng 12 năm 2007.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại Đường số 7, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 39.000.000.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh bao bì giấy và giấy;
- Kinh doanh nguyên liệu liên quan đến bao bì giấy và giấy.

### **2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Lê Quốc Tuyên	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Điều	Phó Chủ tịch
Ông Trần Trang Bình	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Ngân	Thành viên
Ông Đặng Ngọc Diệp	Thành viên
Ông Hoàng Ngọc Lựu	Thành viên
Ông Hàng Xuân	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Trần Hữu Đức	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Toàn	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thịnh	Thành viên

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

## BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

---

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Lê Quốc Tuyên	Giám đốc
Ông Phạm Văn Điều	Phó Giám đốc
Ông Trần Trang Bình	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thanh Ngân	Phó Giám đốc

### **3. Tình hình kinh doanh năm 2009**

Các số liệu về tình hình kinh doanh trong năm 2009 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

### **4. Cam kết của Giám đốc**

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

### **5. Kiểm toán viên**

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty.

*(Phần tiếp theo ở trang 3)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**  
**BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC**

---

**6. Ý kiến của Giám đốc**

Theo ý kiến của Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

*Biên Hòa, ngày 09 tháng 03 năm 2010*

**GIÁM ĐỐC**

**LÊ QUỐC TUYẾN**

Số: 10.107/BCKT-DTL

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ Phần Bao Bì Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là Công ty). Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Bao Bì Biên Hòa vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2010*

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**ĐẶNG XUÂN CẢNH**  
Chứng chỉ KTV số Đ.0067/KTV

**NGÔ THANH BÌNH**  
Chứng chỉ KTV số 0524/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác*

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>142.100.825.500</b>	<b>97.552.959.692</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	(5.1)	<b>25.450.259.164</b>	<b>11.997.006.210</b>
1. Tiền	111		25.450.259.164	7.997.006.210
2. Các khoản tương đương tiền	112			4.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	(5.2)	<b>77.919.299.445</b>	<b>62.534.094.563</b>
1. Phải thu khách hàng	131		75.083.381.801	59.856.283.529
2. Trả trước cho người bán	132		2.844.777.989	2.640.692.280
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		232.641.045	393.838.003
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(241.501.390)	(356.719.249)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	(5.3)	<b>36.865.728.623</b>	<b>22.862.253.919</b>
1. Hàng tồn kho	141		36.865.728.623	22.862.253.919
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.865.538.268</b>	<b>159.605.000</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.597.913.264	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		4.651.004	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.4)	262.974.000	159.605.000

*(Phần tiếp theo ở trang 6)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác*

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>39.911.278.447</b>	<b>42.626.202.551</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>39.821.278.447</b>	<b>42.536.202.551</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	221	(5.5)	<b>39.821.278.447</b>	<b>27.142.318.567</b>
- Nguyên giá	222		153.388.782.834	131.938.720.123
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(113.567.504.387)	(104.796.401.556)
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	227	(5.6)		<b>325.648.722</b>
- Nguyên giá	228		1.184.179.200	1.184.179.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.184.179.200)	(858.530.478)
<b>4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>230</b>			<b>15.068.235.262</b>
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>90.000.000</b>	<b>90.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	(5.7)	90.000.000	90.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>			
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>182.012.103.947</b>	<b>140.179.162.243</b>

(Phần tiếp theo ở trang 7)



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>118.102.024.487</b>	<b>89.802.585.676</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>110.155.618.223</b>	<b>70.186.385.045</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.8)	50.698.819.469	35.273.303.259
2. Phải trả người bán	312	(5.9)	38.909.598.307	24.364.731.455
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.9)	891.427	93.686
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.10)	1.097.825.942	1.261.018.930
5. Phải trả người lao động	315		12.819.527.334	6.174.108.452
6. Chi phí phải trả	316	(5.11)	1.094.195.000	872.133.219
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	(5.12)	5.534.760.744	2.240.996.044
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.946.406.264</b>	<b>19.616.200.631</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	(5.8)	7.505.979.497	19.304.241.249
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		440.426.767	311.959.382
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	(5.13.1)	<b>63.910.079.460</b>	<b>50.376.576.567</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>59.755.609.886</b>	<b>48.703.276.946</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.13.2)	39.000.000.000	39.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(452.433.639)	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.421.886.006	5.163.486.971
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.200.624.079	2.071.424.561
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(5.13.6)	10.585.533.440	2.468.365.414
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>4.154.469.574</b>	<b>1.673.299.621</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		4.154.469.574	1.673.299.621
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>182.012.103.947</b>	<b>140.179.162.243</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác*

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		181.985.886	181.985.886
5. Ngoại tệ			
+ USD		762.309,60	1.602,04
+ EUR		319,05	320,67
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

*Biên Hòa, ngày 09 tháng 03 năm 2010*

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC**

**LÊ THỊ TUYẾT**

**LÊ QUỐC TUYÊN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		411.366.799.676	402.140.612.979
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		240.000	18.241.996
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	411.366.559.676	402.122.370.983
4. Giá vốn hàng bán	11		355.365.632.067	351.145.483.864
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		56.000.927.609	50.976.887.119
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.2)	1.049.619.720	1.001.549.979
7. Chi phí tài chính	22	(6.3)	4.997.757.394	8.242.963.726
<i>trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		3.455.790.506	7.500.813.897
8. Chi phí bán hàng	24	(6.4)	14.318.708.717	12.972.155.755
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	12.892.717.481	17.988.687.352
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.841.363.737	12.774.630.265
11. Thu nhập khác	31	(6.6)	313.030.938	723.234.998
12. Chi phí khác	32		94.580.139	383.104.305
13. Lợi nhuận khác	40		218.450.799	340.130.693
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25.059.814.536	13.114.760.958
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.7)	2.475.824.183	983.607.072
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22.583.990.353	12.131.153.886
18. Lãi cơ bản trên cổ phần	70	(5.13.5)	5.836	3.111

*Biên Hòa, ngày 09 tháng 03 năm 2010*

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC**

**LÊ THỊ TUYẾT**

**LÊ QUỐC TUYẾN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		25.059.814.536	13.114.760.958
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao tài sản cố định	02		9.885.125.270	11.590.373.723
Các khoản dự phòng	03		(115.217.859)	(79.824.575)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		378.237.280	742.149.829
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.228.607.457)	(869.869.368)
Chi phí lãi vay	06		3.455.790.506	7.500.813.897
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>37.435.142.276</b>	<b>31.998.404.464</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(19.166.505.291)	1.356.855.041
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(14.003.474.704)	13.196.712.801
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		20.300.724.205	(3.487.015.311)
Tăng giảm chi phí trả trước	12			9.036.830
Tiền lãi vay đã trả	13		(3.455.790.506)	(7.246.758.341)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.826.456.842)	(730.532.248)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			217.792.242
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.485.194.014)	(2.052.190.559)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>17.798.445.124</b>	<b>33.262.304.919</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.497.283.166)	(19.315.051.520)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		182.047.857	61.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.046.559.600	808.414.823
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(3.268.675.709)</b>	<b>(18.445.182.152)</b>

(Phần tiếp theo ở trang 11)

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(452.433.639)	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		87.112.846.985	90.662.968.498
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(83.863.829.807)	(102.546.363.715)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.873.100.000)	(8.917.224.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(1.076.516.461)</b>	<b>(20.800.619.217)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>13.453.252.954</b>	<b>(5.983.496.450)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>11.997.006.210</b>	<b>17.980.502.660</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>25.450.259.164</b>	<b>11.997.006.210</b>

Biên Hòa, ngày 09 tháng 03 năm 2010

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC**

**LÊ THỊ TUYẾT**

**LÊ QUỐC TUYẾN**

# **CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

---

*Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.*

### **1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

#### **1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4703000057 ngày 14 tháng 08 năm 2003 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 04 tháng 12 năm 2007.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường số 7, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 39.000.000.000 đồng.

#### **1.2. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh bao bì giấy và giấy;
- Kinh doanh nguyên liệu liên quan đến bao bì giấy và giấy.

### **2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

#### **2.1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

#### **3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

#### **3.2. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Chứng từ ghi sổ.

#### **3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

# **CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

---

### **4. Các chính sách kế toán áp dụng**

#### **4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

- Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### **4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Đối với hàng hóa tồn kho theo kích cỡ khi mua được ghi nhận theo giá gốc.

Đối với hàng tồn kho không theo kích cỡ khi mua được tính theo giá ước tính có tham khảo giá thị trường.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### **4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

---

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

#### 4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Thời gian khấu hao	Tỷ lệ khấu hao nhanh
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25 năm	1
+ Máy móc thiết bị	05 năm	2
+ Phương tiện vận tải	06 năm	2
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm	2
+ Phần mềm kế toán	03 năm	1

#### 4.5. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

#### 4.6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ là 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp.



# **CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

---

### **4.7. Nguồn vốn chủ sở hữu**

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Quỹ dự phòng tài chính được trích bằng 5% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

Quỹ đầu tư phát triển được trích bằng 10% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích bằng 15% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

### **4.8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp, doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

### **4.9. Thuế**

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

- Ưu đãi, miễn giảm thuế: Theo Thông tư 128/2003/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 22 tháng 12 năm 2003, Công ty được miễn thuế 03 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2003) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo với thuế suất ưu đãi là 15% trong 12 năm.

- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### **4.10. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

### **4.11. Số liệu so sánh**

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính này.

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

### 5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

#### 5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	6.571.002	33.331.680
Tiền gửi ngân hàng	25.443.688.162	7.963.674.530
Các khoản tương đương tiền	-	4.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>25.450.259.164</u></b>	<b><u>11.997.006.210</u></b>

#### 5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	75.083.381.801	59.856.283.529
Trả trước cho người bán	2.844.777.989	2.640.692.280
Các khoản phải thu khác	232.641.045	393.838.003
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b><u>78.160.800.835</u></b>	<b><u>62.890.813.812</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(241.501.390)</u>	<u>(356.719.249)</u>
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b><u>77.919.299.445</u></b>	<b><u>62.534.094.563</u></b>

Phải thu khách hàng và trả trước cho người bán là các khoản phải thu và trả trước phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. (Chi tiết xem Phụ lục 1)

#### 5.3. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	34.409.770.340	20.814.867.860
Công cụ, dụng cụ	189.025.712	192.960.169
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	464.696.971	1.164.699.058
Thành phẩm	<u>1.802.235.600</u>	<u>689.726.832</u>
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b><u>36.865.728.623</u></b>	<b><u>22.862.253.919</u></b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>-</u>	<u>-</u>
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b><u>36.865.728.623</u></b>	<b><u>22.862.253.919</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 5.4. Tài sản ngắn hạn khác

Là khoản tạm ứng cho nhân viên để sử dụng cho hoạt động của Công ty.

### 5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	25.419.880.768	101.431.432.041	3.454.799.830	1.632.607.484	131.938.720.123
Mua trong năm	-	1.943.937.166	1.773.955.612	149.435.455	3.867.328.233
Đầu tư XDCB hoàn thành	18.371.108.195	-	-	-	18.371.108.195
Thanh lý trong năm	252.042.000	-	337.229.337	199.102.380	788.373.717
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>43.538.946.963</b>	<b>103.375.369.207</b>	<b>4.891.526.105</b>	<b>1.582.940.559</b>	<b>153.388.782.834</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	9.256.018.541	91.560.443.451	2.379.607.045	1.600.332.519	104.796.401.556
Khấu hao trong năm	2.352.648.611	6.398.728.565	769.113.549	38.985.823	9.559.476.548
Thanh lý trong năm	252.042.000	-	337.229.337	199.102.380	788.373.717
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>11.356.625.152</b>	<b>97.959.172.016</b>	<b>2.811.491.257</b>	<b>1.440.215.962</b>	<b>113.567.504.387</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	16.163.862.227	9.870.988.590	1.075.192.785	32.274.965	27.142.318.567
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>32.182.321.811</b>	<b>5.416.197.191</b>	<b>2.080.034.848</b>	<b>142.724.597</b>	<b>39.821.278.447</b>

- Nguyên giá của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 25.044.596.969 đồng.
- Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 98.486.039.236 đồng.

(Phần tiếp theo ở trang 18)

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

**5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm kế toán ERP	Phần mềm vi tính khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	958.196.000	225.983.200	1.184.179.200
Mua trong năm	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>958.196.000</b>	<b>225.983.200</b>	<b>1.184.179.200</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	632.936.167	225.594.311	858.530.478
Khấu hao trong năm	325.259.833	388.889	325.648.722
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>958.196.000</b>	<b>225.983.200</b>	<b>1.184.179.200</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	325.259.833	388.889	325.648.722
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**5.7. Đầu tư dài hạn khác**

Là khoản đầu tư mua trái phiếu chính phủ với số tiền là 60.000.000 đồng, kỳ hạn 5 năm, lãi suất 8,6%/năm, đến hạn ngày 16 tháng 09 năm 2010 và khoản đầu tư mua công trái giáo dục với số tiền là 30.000.000 đồng, kỳ hạn 5 năm, lãi suất 8,2%/năm, đến hạn ngày 19 tháng 05 năm 2010.

**5.8. Các khoản vay**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Vay ngắn hạn	40.930.270.269	21.877.990.859
Nợ dài hạn đến hạn trả	9.768.549.200	13.395.312.400
Vay dài hạn	7.505.979.497	19.304.241.249
<b>Tổng cộng</b>	<b>58.204.798.966</b>	<b>54.577.544.508</b>

Các khoản vay ngân hàng được thế chấp bằng tài sản cố định với lãi suất được điều chỉnh theo từng thời kỳ. (xem mục 5.5 của Thuyết minh này)

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 5.9. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	38.909.598.307	24.364.731.455
Người mua trả tiền trước	<u>891.427</u>	<u>93.686</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>38.910.489.734</u></b>	<b><u>24.364.825.141</u></b>

Phải trả người bán là khoản phải trả phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. (Chi tiết xem Phụ lục 1)

### 5.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	-	809.779.449
Thuế xuất, nhập khẩu	200.675.826	158.419.778
Thuế thu nhập cá nhân	-	45.036.928
Thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>897.150.116</u>	<u>247.782.775</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>1.097.825.942</u></b>	<b><u>1.261.018.930</u></b>

### 5.11. Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí vận chuyển	820.000.000	451.876.855
Chi phí chăm sóc khách hàng	209.195.000	302.156.364
Chi phí khác	<u>65.000.000</u>	<u>118.100.000</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>1.094.195.000</u></b>	<b><u>872.133.219</u></b>

### 5.12. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Cuối năm	Đầu năm
Bảo hiểm xã hội	143.347.100	121.348.044
Bảo hiểm y tế	21.502.065	-
Cổ tức phải trả	5.180.420.000	2.081.940.000
Khác	<u>189.491.579</u>	<u>37.708.000</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>5.534.760.744</u></b>	<b><u>2.240.996.044</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

**5.13. Vốn chủ sở hữu**

**5.13.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	39.000.000.000	3.950.371.582	1.464.866.867	-	338.693.860	1.955.888.689	46.709.820.998
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	12.131.153.886	-	12.131.153.886
Tăng khác	-	1.213.115.389	606.557.694	-	-	1.223.180.969	3.042.854.052
Giảm khác	-	-	-	-	(10.001.482.332)	(1.505.770.037)	(11.507.252.369)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>39.000.000.000</b>	<b>5.163.486.971</b>	<b>2.071.424.561</b>	<b>-</b>	<b>2.468.365.414</b>	<b>1.673.299.621</b>	<b>50.376.576.567</b>
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	22.583.990.353	-	22.583.990.353
Tăng khác	-	2.258.399.035	1.129.199.518	(452.433.639)	-	3.387.598.553	6.322.763.467
Giảm khác	-	-	-	-	(14.466.822.327)	(906.428.600)	(15.373.250.927)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>39.000.000.000</b>	<b>7.421.886.006</b>	<b>3.200.624.079</b>	<b>(452.433.639)</b>	<b>10.585.533.440</b>	<b>4.154.469.574</b>	<b>63.910.079.460</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

**5.13.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Nhà nước	20.819.400.000	53%	20.819.400.000	53%
Đối tượng khác	<u>18.180.600.000</u>	<u>47%</u>	<u>18.180.600.000</u>	<u>47%</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>39.000.000.000</u></b>	<b><u>100%</u></b>	<b><u>39.000.000.000</u></b>	<b><u>100%</u></b>

**5.13.3. Cổ tức**

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã chi trả trong năm:	3.873.100.000	8.917.224.000
+ Cổ tức năm 2007:	-	4.369.164.000
+ Cổ tức năm 2008:	2.081.940.000	4.548.060.000
+ Cổ tức năm 2009 - tạm ứng:	1.791.160.000	-

Cổ tức năm 2009 sẽ được công bố sau khi tổ chức Đại hội cổ đông trong năm 2010.

**5.13.4. Cổ phần**

	Cuối năm	Đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	3.900.000	3.900.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	3.900.000	3.900.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	26.900	-
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	3.873.100	3.900.000
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.		

**5.13.5. Lãi cơ bản trên cổ phần**

	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	22.583.990.353	12.131.153.886
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân	<u>3.869.854</u>	<u>3.900.000</u>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)</b>	<b><u>5.836</u></b>	<b><u>3.111</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

---

**5.13.6. Phân phối lợi nhuận**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	2.468.365.414	338.693.860
Khen thưởng công nhân viên	(236.965.414)	(338.693.860)
Thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2008	(31.400.000)	-
Lợi nhuận sau thuế trong năm	22.583.990.353	12.131.153.886
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	(1.129.199.518)	(606.557.694)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	(2.258.399.035)	(1.213.115.389)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	(3.387.598.553)	(1.213.115.389)
Chia cổ tức	(6.971.580.000)	(6.630.000.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2009	<u>(451.679.807)</u>	<u>-</u>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm</b>	<b><u>10.585.533.440</u></b>	<b><u>2.468.365.414</u></b>

*(Phần tiếp theo ở trang 23)*



# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

---

### 6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

#### 6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán sản phẩm Carton	307.512.069.917	309.304.350.878
Doanh thu bán sản phẩm Offsets	96.395.070.259	83.839.830.574
Doanh thu bán hàng khác	7.459.659.500	8.996.431.527
Các khoản giảm trừ doanh thu	<u>(240.000)</u>	<u>(18.241.996)</u>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>411.366.559.676</u></b>	<b><u>402.122.370.983</u></b>

#### 6.2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	800.559.600	808.414.823
Nhận hỗ trợ từ Quỹ Đầu tư Phát Triển	246.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	<u>3.060.120</u>	<u>193.135.156</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>1.049.619.720</u></b>	<b><u>1.001.549.979</u></b>

#### 6.3. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	3.455.790.506	7.500.813.897
Lỗ chênh lệch tỷ giá	<u>1.541.966.888</u>	<u>742.149.829</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>4.997.757.394</u></b>	<b><u>8.242.963.726</u></b>

#### 6.4. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	3.845.413.631	2.856.760.073
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.941.903.122	9.970.120.322
Chi phí bằng tiền khác	<u>531.391.964</u>	<u>145.275.360</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>14.318.708.717</u></b>	<b><u>12.972.155.755</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

---

**6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nhân viên	5.289.795.546	8.312.671.860
Chi phí vật liệu	-	132.500
Chi phí đồ dùng văn phòng	235.230.198	404.549.903
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.486.396.705	2.552.591.401
Thuế, phí, lệ phí	47.496.343	82.114.068
Chi phí dự phòng	(115.217.859)	(79.824.575)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.060.018.600	3.219.813.149
Chi phí bằng tiền khác	<u>2.888.997.948</u>	<u>3.496.639.046</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>12.892.717.481</u></b>	<b><u>17.988.687.352</u></b>

**6.6. Thu nhập khác**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Thu từ thanh lý tài sản	182.047.857	61.454.545
Thu bồi thường	42.569.593	512.776.683
Thu nhập khác	<u>88.413.488</u>	<u>149.003.770</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>313.030.938</u></b>	<b><u>723.234.998</u></b>

*(Phần tiếp theo ở trang 25)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**6.7. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.059.814.536	13.114.760.958
Các khoản điều chỉnh để xác định thu nhập tính thuế	-	-
<b>Tổng thu nhập tính thuế</b>	<b>25.059.814.536</b>	<b>13.114.760.958</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Thu nhập chịu thuế suất 15%</i>	21.709.551.548	13.114.760.958
<i>Thu nhập khác chịu thuế suất 25%</i>	3.350.262.988	
Thuế TNDN phải nộp (15%)	3.256.432.732	1.967.214.144
Thuế TNDN được giảm (50%)	(1.628.216.366)	(983.607.072)
Thuế TNDN phải nộp (25%)	837.565.747	-
Thuế TNDN bổ sung do lương chưa chi đến 31/03/2009 vượt 17% quỹ lương thực hiện năm 2008	10.042.070	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>2.475.824.183</b>	<b>983.607.072</b>

**7. Thông tin về các bên có liên quan**

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, các số dư phải thu, phải trả với Công ty mẹ - Tổng Công ty Công Nghiệp Thực phẩm Đồng Nai như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
+ Phải thu	338.212.624	867.673.300
+ Phải trả khoản vay	-	4.000.000.000

- Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch trong năm với Tổng Công ty Công Nghiệp Thực phẩm Đồng Nai - Công ty mẹ như sau:

	Năm nay	Năm trước
+ Doanh thu bán hàng	5.475.817.670	5.191.298.120
+ Chi phí lãi vay	48.000.000	1.033.335.556

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

---

- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	451.679.807	201.200.000
Lương Giám đốc	<u>400.316.397</u>	<u>264.470.127</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>851.996.204</u></b>	<b><u>465.670.127</u></b>

**8. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

**9. Phát hành và phê duyệt báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 09 tháng 03 năm 2010.

*Biên Hòa, ngày 09 tháng 03 năm 2010*

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC**

**LÊ THỊ TUYẾT**

**LÊ QUỐC TUYẾN**

**Phụ lục 1: Chi tiết số dư các khoản công nợ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009**

**1. Phải thu khách hàng:**

	<b>Số tiền</b>
Công ty Liên Doanh Unilever Việt Nam	22.947.854.609
Công ty TNHH NGK CocaCola Việt Nam - Chi Nhánh Hà Tây	7.874.266.311
Công ty Cổ Phần Nước Khoáng Vĩnh Hảo	2.744.737.830
Công ty Cổ Phần Gạch Men Ý Mỹ	2.658.628.390
Công ty Cổ Phần Kinh Đô Bình Dương	2.513.241.687
Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Chương Dương	2.408.312.256
Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Masan	2.350.780.426
Khác	<u>31.585.560.292</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>75.083.381.801</u></b>

**2. Trả trước người bán:**

	<b>Số tiền</b>
Công ty Martin	880.127.965
Công ty JPP Far East (S) PTE L.T.D	839.705.565
Khác	<u>1.124.944.459</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>2.844.777.989</u></b>

*(Phần tiếp theo ở trang 28)*

### 3. Phải trả người bán:

	<b>Số tiền</b>
Công ty TNHH Vina Kraft Paper	9.051.221.924
Công ty TNHH Xưởng Giấy Chánh Dương	8.146.877.603
Công ty Cổ Phần Giấy Sài Gòn - Nhà Máy Giấy Mỹ Xuân	5.422.152.753
Công ty Cổ Phần Giấy An Bình	3.712.124.432
Công ty Xăng Dầu Khu Vực 2	1.895.751.000
Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Trường Sơn	1.879.982.967
Công ty TNHH Thương Mại Thịnh Phú	1.030.700.000
Khác	<u>7.770.787.628</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>38.909.598.307</u></b>